



ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG ĐIỂM DÂN CƯ SỐ 07 THÔN PHONG NỘI, XÃ KIM THÀNH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ KIM THÀNH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CHIA LÔ



GHI CHÚ:

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN NGHIỆP

PHÒNG KINH TẾ VÀ KINH DOANH
ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG CHIA LÔ

CHÁNH VĂN PHÒNG
ĐINH VĂN QUẢNG

ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG ĐIỂM DÂN CƯ SỐ 07
THÔN PHONG NỘI, XÃ KIM THÀNH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CHIA LÔ

BẢN VẼ: QH-04	CHẾP: 1A2	TỶ LỆ: 1:1500	NGÀY: ...-...-2026
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TUẤN TỰ		
CHỦ TRÌ QH	KTS. TẠM MẠNH CẢNH		
CHỦ TRÌ DIỆN	KS. LƯƠNG HẢI KIẾN		
CHỦ TRÌ NƯỚC	KS. NGUYỄN VĂN HUY		
QUẢN LÝ THIẾT KẾ	KS. PHẠM THỊ TUYẾT LINH		
P. TỔNG GIÁM ĐỐC			

KÝ HIỆU:

BIỂU CHỨC QUY HOẠCH

ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ

ĐẤT MƯỜNG HÒA TRẠI

ĐẤT MƯỜNG CAO THƯỜNG

ĐẤT VÀ HỒ

ĐẤT MÀ TĂNG KỶ THUẬT

KÝ HIỆU ĐẤT

ĐIỂM

ĐIỂM TÍCH ĐẤT

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT

MẶT ĐỘ XÂY DỰNG

TẦNG CAO TỐI ĐA

HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT

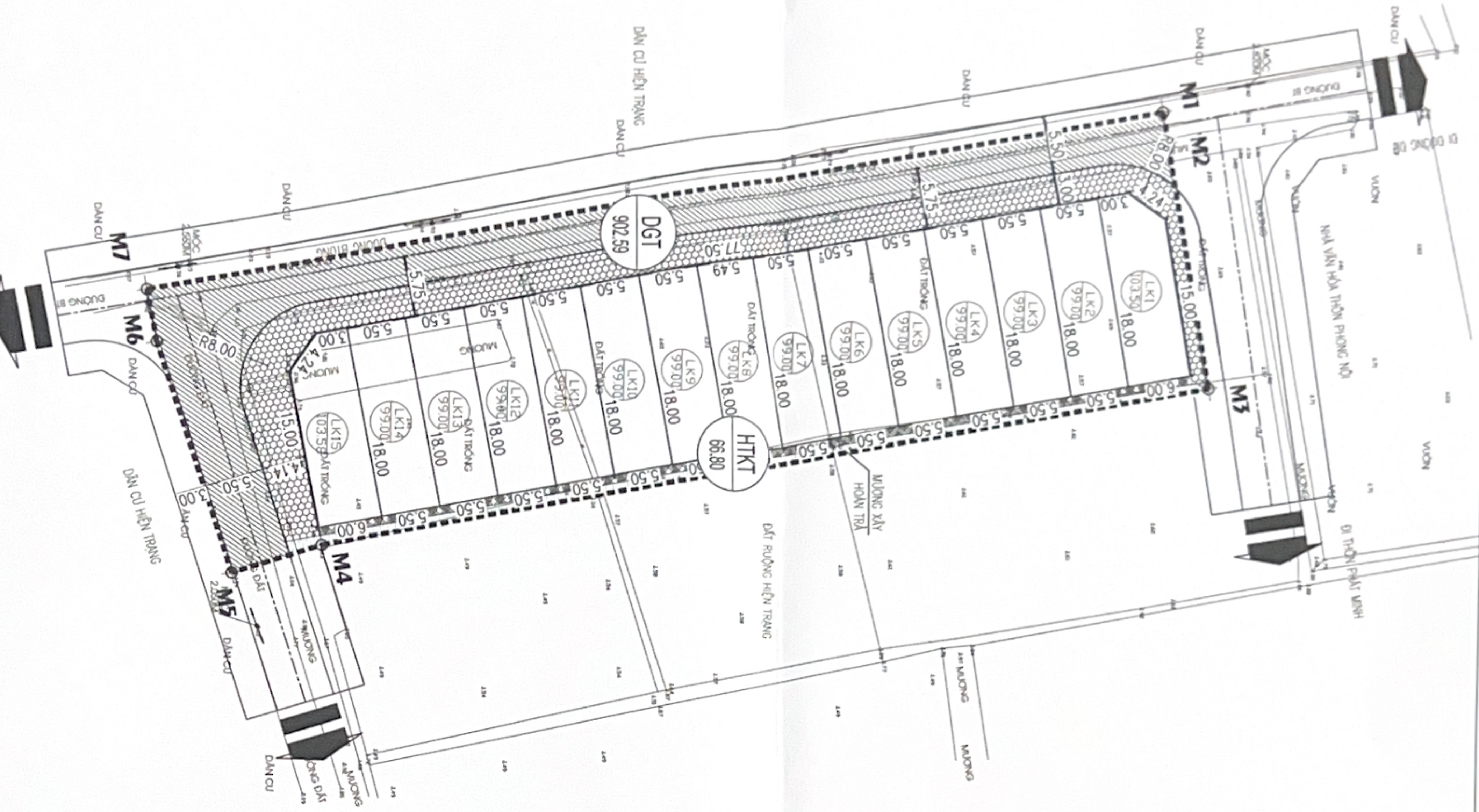
961.0

ĐIỂM TÍCH ĐẤT

MẶT ĐỘ XÂY DỰNG

TẦNG CAO TỐI ĐA

TT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Diện tích XD (m ²)	Tăng cao tối đa (m ²)	Mật độ XD (%)	Mật độ SDD	Số lô
I	Tổng diện tích đất chia lô	1.994,08	1337,3	4	89,5	3,6	15
1	LK-1	103,50	89,5	4	86,5	3,5	1
2	LK-2	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
3	LK-3	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
4	LK-4	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
5	LK-5	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
6	LK-6	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
7	LK-7	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
8	LK-8	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
9	LK-9	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
10	LK-10	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
11	LK-11	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
12	LK-12	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
13	LK-13	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
14	LK-14	99,00	89,1	4	90,0	3,6	1
15	LK-15	103,58	89,5	4	86,4	3,5	1
II	Đất hạ tầng kỹ thuật	66,80					
1	Đất hạ tầng kỹ thuật	66,80					
III	Đất xây mới hoàn trả	70,03					
1	Mương xây mới hoàn trả	70,03					
IV	Đất giao thông	902,59					
TỔNG DIỆN TÍCH QH		2.533,50					



BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI

Đỉnh	X (m)	Y (m)	Tên	Cạnh
M1	2311811,059	603191,513	1-2	3,01
M2	2311811,579	603194,473	2-3	23,50
M3	2311815,679	603217,613	3-4	84,73
M4	2311732,249	603232,403	4-5	9,00
M5	2311723,649	603235,073	5-6	22,86
M6	2311716,909	603213,233	6-7	4,95
M7	2311716,039	603208,363	7-1	96,50
M1	2311811,059	603191,513		